

Bản án số: 32/2024/DS-PT
Ngày 24 tháng 01 năm 2024
“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy quyết định cá biệt”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Ngô Mạnh Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 576/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2024/QĐPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1960 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 181/5, Tổ 27, khóm Đông Thịnh 1, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

1.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 934, khóm Đông Thành, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

1.3. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 31/8C, hẻm Lê Châu, khóm Tân Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

1.4. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962 – Vắng mặt;

1.5. Bà Trần Thị U, sinh năm 1972 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số L1/17, khóm Hưng Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của các bà: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị U: Bà Trần Thị C (Nguyên đơn – Văn bản ủy quyền ngày 02/8/2019, BL 39-40) – Có mặt;

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị C: Anh Lê Minh T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khóm Thới An A, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2023) – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Trần Thị C, Trần Thị U, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị B: Luật sư Âu Quang Phục và luật sư Đỗ Thị Thu Hiền, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Âu Thịnh Phát, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Đều có mặt;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 127, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn D: Anh Nguyễn Sơn T¹, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 182/3, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 23/3/2023) – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn D: Luật sư Lê Văn Phúc, Trưởng Văn phòng luật sư Lê Văn Phúc, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang – Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị D¹, sinh năm 1967 – Có mặt;

3.2. Chị Nguyễn Sơn Nguyệt M, sinh năm 2001 – Vắng mặt;

3.3. Anh Nguyễn Sơn T¹, sinh năm 1991 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 182/3, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Sơn T¹: Luật sư Lê Văn Phúc, Trưởng Văn phòng luật sư Lê Văn Phúc, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang – Có mặt;

3.4. Bà Trần Thị Diễm T², sinh năm 1993 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.5. Ông Lê Thanh V, sinh năm 1985 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Nhà dựa Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;

3.6. Ông Trần Quốc H, sinh năm 1972 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: TK 1, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

3.7. Ông Trần Văn N¹, sinh năm 1984 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Phú Hạ, xã Tân Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;

3.8. Ông Thái Văn T³, sinh năm 1988– Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Xã Tiên Tiến, huyện Phú Cường, tỉnh Hưng Yên;

3.9. Bà Nguyễn Thị Xuân H¹, sinh năm 1957– Vắng mặt;

Địa chỉ: 2994 Pettigrew CT, San Jose, CA 95148, USA;

3.10. Ông Sơn Hà C, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Statsrad Niensvei 18, 7224 Melhus, Na Uy;

3.11. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây lắp An Giang (Nay là Công ty Xây lắp An Giang);

Địa chỉ: Số 361/1A Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của Công ty Xây lắp An Giang: Ông Nguyễn Như Em (Văn bản ủy quyền số 20/GUQ ngày 22/01/2024 – Có mặt;

3.30. Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Địa chỉ: Số 99 Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên: Ông Đinh Văn B¹, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên – Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt;

4. *Người kháng cáo:* Các đồng nguyên đơn: Trần Thị C, Trần Thị U, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn kiện ngày 04/4/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/5/2021 và lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn bà Trần Thị C đồng thời là người đại diện hợp pháp của các đồng nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của bà Trần Thị C có 06 người con gồm: Trần Thị C, Trần Thị U, Trần Văn U¹ (chết năm 2015 không có vợ con), Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị B.

Năm 1971, mẹ của bà C là cụ Nguyễn Thị P (chết năm 2001) được thừa hưởng của cha mẹ cụ P phần đất diện tích 00 ha 50.00 tọa lạc tại đường Lý Thái Tổ nối dài, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (theo Chứng thư cấp quyền sở hữu mã số 437-01-01 của Tổng Trưởng cải cách điền địa và phát triển nông ngư nghiệp cấp ngày 06/9/1971 cho cụ Nguyễn Thị P đứng tên) quản lý sử dụng không tranh chấp, trên phần đất có con mương gia đình đào để sử dụng nước sinh hoạt cho gia đình.

Năm 2017, Nhà nước quy hoạch khu dân cư nằm trong phần đất của gia đình bà (con mương nước). Khi công trình lấp con mương, gia đình bà ngăn cản không cho lấp con mương thì gia đình bà mới biết con mương nước của gia đình bà sử dụng

từ trước đến nay, nhưng ông Nguyễn Văn D cho rằng con mương nước này là của gia đình ông nên xảy ra tranh chấp, được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước hòa giải ngày 21/8/2018 nhưng không thành. Kết quả đo đạc hiện trạng ngày 12/01/2021 của văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên, xác định diện tích là 670,7 m². Bà C xác định diện tích tranh chấp 670,7 m² này là con mương nước nằm trong Chứng thư nêu trên.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn D và Công ty Xây lắp An Giang trả lại cho các nguyên đơn diện tích 670,7 m² đất tại khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và hủy Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 và Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên vì đã thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho ông D là sai đối tượng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A033466, số vào sổ 00056 QSDĐ/CA ngày 19/12/1989 Thửa đất số 12-12-14, Tờ bản đồ số 01, diện tích 4.903,8 m² (2L) tại phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên ban hành Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 về việc chỉnh trang đô thị đường Lý Thái Tổ, Chủ đầu tư tiến hành đo đạc, thu hồi, giải tỏa mặt bằng thực tế diện tích là 4.903,8 m² của gia đình ông (không đề cập đến mương nước, lúc giao toàn bộ là 4.903,8 m²). Trong suốt quá trình đo đạc, thu hồi quyền sử dụng đất có sự chứng kiến của nguyên đơn không tranh chấp. Không hiểu vì sao từ trước đến nay không tranh chấp, nhưng đến khi công trình đã hoàn thành thì lại tranh chấp.

Con mương nước diện tích 687,6 m² nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D, có nguồn gốc là của mẹ ông D là cụ Nguyễn Thị Kim S quản lý sử dụng từ năm 1989, trên đất có mương nước hình thành từ trước năm 1975 do gia đình cụ S tự đào để bơm nước; Trong quá trình sử dụng không có tranh chấp, không lấn chiếm đất công, cụ S chết để lại cho ông D sử dụng. Việc này được chứng minh bằng Công văn số 120/BC-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước báo cáo cho Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên.

Ông D xác định đến thời điểm này không còn hình dạng của con mương nước và không ai sử dụng (tưới tiêu, sinh hoạt ...), diện tích con mương đã bàn giao cho Công ty Xây lắp An Giang. Việc nguyên đơn khởi kiện tranh chấp con mương là không đúng, nên không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Xây lắp An Giang trình bày: Hộ ông Nguyễn Văn D nằm trong quy hoạch toàn bộ diện tích tọa lạc tại phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên (trong đó nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A033466, số vào sổ 00056QSDĐ/Ea do Ủy ban nhân dân thị xã Long Xuyên cấp ngày 19/12/1989, diện tích 4.227 m² các Thửa số: 12, 13, 14, tờ bản đồ số 01 và diện tích 550 m² + 137,2 m² loại 2L nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Hiện nay, Công ty Xây lắp An Giang đang thực hiện dự án “Cải tạo chỉnh trang đô thị khu dân cư đường Lý Thái Tổ nối dài”. Tổng diện tích nêu trên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang giao cho Công ty Xây lắp An Giang theo Quyết định số

2356/QĐ-UBND ngày 25/9/2018, kèm theo bản đồ trích đo địa chính tỷ lệ 1:2.000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 15/8/2018.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị D¹, chị Nguyễn Sơn Nguyệt M và anh Nguyễn Sơn T¹ (là vợ và các con của bị đơn) trình bày: Thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Văn D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn Hà C và bà Nguyễn Thị Xuân H¹ trình bày: Họ là anh chị ruột của ông Nguyễn Văn D, đã giao cho ông D toàn quyền quyết định đối với di sản của mẹ của họ là cụ Nguyễn Thị Kim S.

Tại các văn bản cùng ngày 24/02/2021 của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm các ông bà: Trần Thị Diễm T², Lê Thanh V, Trần Quốc H, Trần Văn N¹, Thái Văn T³ đều trình bày: Họ đều là những người thuê mặt bằng của ông D để kinh doanh nhỏ (bán đồ ăn), không có liên quan đến tranh chấp giữa bà C với ông D, nên không có yêu cầu gì trong vụ án và xin vắng mặt tất cả các phiên xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên: Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và Công văn số 157/TA-VP ngày 31/5/2021 yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên có ý kiến về vụ án, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên đã có nhiều văn bản gồm: Công văn số 597/UBND-NC ngày 08/02/2021, Công văn số 2698/UBND-NC ngày 17/6/2022, Công văn số 1829/UBND-NC ngày 19/4/2023 với cùng nội dung là xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và đồng ý thực hiện theo nội dung bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đã quyết định:

Căn cứ các điều: 34, 73, 144, 145, 146, 147, 157, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị U về yêu cầu buộc ông D trả lại cho bà C diện tích đất 670,7 m² theo bản trích đo hiện trạng ngày 12/01/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên;

2. Không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị U về yêu cầu hủy QĐ số 1197/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 và QĐ số 1198/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm và tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các đồng nguyên đơn: Trần Thị C, Trần Thị U, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị B có chung một đơn đề ngày 05/6/2023 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn bà Trần Thị C (và cũng là người đại diện cho các bà: Trần Thị U, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị B) kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Văn D và Công ty Xây lắp An Giang giao trả cho các đồng nguyên đơn diện tích 670,7 m² theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 12/01/2021, vì phần diện tích này nằm trong Chứng thư cấp quyền sở hữu Mã số 437-01-01 của Chế độ cũ cấp ngày 06/9/1971 cho cụ Nguyễn Thị P. Vào năm 2015, bà C có đến Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng cán bộ địa chính của phường nói rằng Chứng thư của chế độ cũ không còn giá trị nên không cho bà đăng ký đất, việc này chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ. Con mương hiện nay vẫn còn và gia đình bà C vẫn đang sử dụng con mương này.

Anh Lê Minh T bổ sung ý kiến của bà C: Gia đình có mang Chứng thư của cụ P đi đăng ký đất, nhưng cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên nói chỉ cấp lại cho bà C 1.000 m² thì chúng tôi không đồng ý và không ký tên, nên không có biên bản để nộp cho Tòa án.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn, anh Nguyễn Sơn T¹ và bà Nguyễn Thị D không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Xây lắp An Giang trình bày diện tích con mương nằm trong diện tích đất Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang giao cho Công ty thực hiện dự án chỉnh trang đô thị, Công ty đã lấp con mương xong, nhưng đoạn gần nhà của bà C thì bà C đã tự đào bới trở lại. Trong diện tích thu hồi để thực hiện dự án thì có nơi đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có chỗ thì chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên Ủy ban nhân dân tỉnh có cho phép Công ty được thỏa thuận với người dân trong việc thu hồi đất, có thể đổi đất khác hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Công ty không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị xem xét theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 thì Chứng thư của cụ P được xem là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất; Tòa án cấp sơ thẩm có văn bản hỏi nhiều vấn đề đất tranh chấp nhưng Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên không trả lời, Tòa án không tiến hành xác minh để làm rõ mà xét xử là vi phạm tố tụng; Ngày 18/01/2024, anh T có lập vi bằng về đoạn ghi âm lời nói của ông Đào Văn N² – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên điều tra, làm rõ diện tích đất tranh chấp và báo cáo cho Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên; Văn bản số 120 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước là không có cơ sở, vì biên bản xác minh không có các hộ dân lân cận tham dự, bà C đã có khiếu nại văn bản số 120 nhưng đến nay vẫn chưa được trả lời; Có nhiều hộ dân lân cận cố cự làm chứng là họ đã mua đất của gia đình bà C và họ mượn Chứng thư năm 1971 của cụ P để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đất của bị đơn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của nguyên đơn hiến cho Nhà nước, nên có căn cứ xác định diện tích con mương là nằm trong Chứng thư năm 1971 của cụ P; Bị đơn đã thừa nhận diện tích đất tranh chấp là nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn và bị đơn không chứng minh được phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của

bị đơn; Công ty Xây lắp cho rằng được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, nhưng vì sao Công ty lại ký hợp đồng nhận chuyển nhượng đất của ông D? Do đó, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị xem xét ngoài Chứng thư năm 1971 của cụ P, nguyên đơn hoàn toàn không có giấy tờ gì khác để chứng minh diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình; Nguyên đơn cũng không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, không có tên trong sổ mục kê hay sổ địa chính; Khi thực hiện dự án chỉnh trang đô thị, Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên có tiến hành xác minh hiện trạng các hộ dân trong khu đất thu hồi, các hộ đã xác định diện tích đất của mình thì không có ai tranh chấp với ai, phần đất của ông D cũng không có ai tranh chấp; Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước tiến hành xác minh và đã ban hành văn bản số 120 xác định diện tích con mương là của gia đình ông D quản lý, sử dụng, không có tranh chấp. Vì vậy, đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo của các đồng nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các đồng nguyên đơn: Trần Thị C, Trần Thị U, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị B đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa phúc thẩm đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, các đồng nguyên đơn: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị B, Trần Thị U vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị C tham gia phiên tòa; Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp là anh Nguyễn Sơn T¹ tham gia phiên tòa; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác có đơn xin vắng mặt và sự vắng mặt của họ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt họ.

Bản án sơ thẩm không ghi tóm tắt ý kiến của tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào phần nội dung vụ án, là không đúng quy định tại mục số (25) hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS (Mẫu bản án dân sự sơ thẩm) ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; đồng thời, trong đơn khởi kiện của các đồng nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn D và Công ty Xây lắp An Giang giao trả diện tích đất tranh chấp cho các nguyên đơn, nhưng Bản án sơ thẩm chỉ bác yêu cầu của các đồng nguyên đơn đối với ông Nguyễn Văn D mà không đề cập đến Công ty Xây lắp An Giang là không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của đương sự, nhưng xét thấy diện tích đất mà các đồng nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn D hoàn trả cũng chính là diện tích đất mà các đồng nguyên đơn yêu cầu Công ty Xây lắp An Giang hoàn trả; đồng thời cũng tại

vị trí diện tích đất này thì Nhà nước đã thu hồi, giao lại cho Công ty Xây lắp An Giang thực hiện Dự án và Công ty Xây lắp An Giang đã thực hiện xong dự án, nên các sai sót nêu trên không làm thay đổi bản chất của vụ án, việc hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại thì cũng chỉ làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án không cần thiết, nên không nhất thiết phải hủy Bản án sơ thẩm, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Ngày 19/10/2017, Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên ban hành Quyết định số 1197/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn D, bao gồm 4.227 m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị Kim S và 670,7 m² (gồm 550 m² và 137,2 m²) nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ S.

Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên ban hành Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất hộ ông Nguyễn Văn D (con của cụ S).

Ngày 25/9/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 2356/QĐ-UBND giao đất đã thu hồi (trong đó có diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn D) cho Công ty Xây lắp An Giang thực hiện Dự án cải tạo chỉnh trang đô thị khu dân cư đường Lý Thái Tổ nối dài, khi Công ty Xây lắp An Giang tiến hành thực hiện Dự án thì bà Trần Thị C tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn D (tranh chấp phần diện tích nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ S).

[3] Bút lục số 96 là bản photocopy Biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước không ghi ngày tháng năm nhưng không có mặt sau của biên bản, cũng là Biên bản này tại bút lục số 19 thì có mặt sau của biên bản, trong phần kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường thì để trống, chứng tỏ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường chưa có kết luận gì.

Trong Biên bản về việc xác định diện tích đất của ông Nguyễn Văn D, ngày 26/4/2018 (bút lục số 17) thì ngoài đại diện của các ban ngành hữu quan thì còn có đại diện các hộ dân ở địa phương là ông Lê Anh T⁴, Trưởng Khóm Đông Thịnh 8 tham gia, có nội dung: *“UBND Phường cần xác minh thêm người dân sinh sống nơi đó để thêm thông tin phần diện tích 687,2 m² ai đang quản lý sử dụng, có tranh chấp hay lấn chiếm hay không?”*. Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước đã tiến hành thực hiện ý kiến trên và ban hành Công văn số 120/BC-UBND ngày 04/5/2018 (bút lục số 18) có nội dung: *“Nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị Kim S quản lý sử dụng từ năm 1989, trên đất có mương nước hình thành trước năm 1975 do gia đình bà S tự đào để bơm nước, trong quá trình sử dụng đất không phát sinh tranh chấp, không lấn chiếm đất công, bà S chết để lại cho ông D đại diện quản lý sử dụng”*.

Ngày 21/8/2018, Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước lập Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị C với ông Nguyễn Văn D, kết quả hòa giải không thành; Ngày 29/8/2018, Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước tổ chức hòa giải lần 2, nhưng ông Nguyễn Văn Dũng không đến dự. Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước ban hành Thông báo số 25/TB-UBND ngày 31/8/2018 về việc hòa giải tranh chấp đất

đại không thành và hướng dẫn 02 bên đương sự gửi đơn tranh chấp đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tiếp.

Như vậy, Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước ban hành Công văn số 120/BC-UBND ngày 04/5/2018 là trên cơ sở thực hiện ý kiến phiên họp ngày 26/4/2018 và kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường; Còn việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị C với ông Nguyễn Văn D được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước tổ chức hòa giải 02 lần nhưng hòa giải không thành, nên Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước đã ra Thông báo hòa giải không thành và hướng dẫn 02 bên đương sự gửi đơn tranh chấp đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tiếp là đúng theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, việc các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Biên bản xác minh nguồn gốc đất (bút lục số 96) và Biên bản xác minh nguồn gốc đất (bút lục số 17) chứa rất nhiều mâu thuẫn và uẩn khúc trong việc làm sáng tỏ nguồn gốc mảnh đất đang tranh chấp có diện tích 687,2 m²; Thông báo hòa giải không thành số 25/TB-UBND ngày 31/8/2018 mâu thuẫn với Công văn số 120/BC-UBND ngày 04/5/2018, là không có cơ sở.

[4] Nguyên đơn bà Trần Thị C (và cũng là người đại diện cho các đồng nguyên đơn: Trần Thị U, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị B) xuất trình Chứng thư cấp quyền sở hữu Mã số 437-01-01 của chế độ cũ cấp ngày 06/9/1971 cho mẹ của các nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị P, để yêu cầu ông Nguyễn Văn D và Công ty Xây lắp An Giang giao trả cho các nguyên đơn phần đất có diện tích đo đạc thực tế 670,7 m², nhưng các nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp nằm trong Chứng thư cấp quyền sở hữu Mã số 437-01-01 của Chế độ cũ cấp cho cụ P ngày 06/9/1971.

[5] Từ khi Nhà nước có chủ trương quy định về việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất (Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980) cho đến khi có tranh chấp, trải qua hơn 35 năm, qua nhiều lần pháp luật quy định người sử dụng đất có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng gia đình bà C không thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đối với phần diện tích đất tranh chấp theo quy định của pháp luật về đất đai, nên không có căn cứ để xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà C.

Mặt khác, bà C trình bày gia đình bà trực tiếp quản lý, sử dụng phần diện tích đất tranh chấp, nhưng bà không xuất trình được chứng cứ để chứng minh. Ngược lại, tại Công văn số 120/BC-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước xác định nguồn gốc đất của gia đình cụ Nguyễn Thị Kim S quản lý sử dụng từ năm 1989, cụ S chết để lại cho ông D sử dụng.

[6] Như vậy, các đồng nguyên đơn không chứng minh được phần diện tích tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình, nên Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và vì vậy, việc các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn D và Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên về việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất hộ ông Nguyễn Văn D, là không có cơ sở.

[7] Các đồng nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình, các nguyên đơn không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và cũng không chứng minh được nguyên đơn là người trực tiếp quản lý sử dụng đất tranh chấp, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, là phù hợp.

[8] Do không được chấp nhận kháng cáo nên các đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các đương sự: Trần Thị C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm;

Bà Trần Thị U phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 12, 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của các đương sự: Trần Thị C, Trần Thị U, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị B; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, như sau:

2.1. Không chấp nhận khởi kiện của các đồng nguyên đơn: Trần Thị C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Đ và Trần Thị U về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn D và Công ty Xây lắp An Giang trả lại cho các đồng nguyên đơn phần đất có diện tích 670,7 m² tọa lạc tại phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Vị trí, kích thước, hình thể, giáp giới phần đất được xác định theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên duyệt ngày 12/01/2021 (đính kèm theo bản án, bút lục số 135);

2.2. Không chấp nhận khởi kiện của các đồng nguyên đơn: Trần Thị C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Đ và Trần Thị U về việc yêu cầu hủy các quyết định, gồm:

- Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn D (đại diện) ngụ số 182/3 K Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên để thực hiện dự án cải tạo chỉnh trang đô thị khu dân cư đường Lý Thái Tổ nối dài, thành phố Long Xuyên.

- Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Nguyễn Văn D (đại diện) ngụ số 182/3 K Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3. Các đương sự: Trần Thị C, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị B được miễn án phí dân sự phúc thẩm;

Bà Trần Thị U phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000308 ngày 08/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công